

Bản án số: 93/2026/HS-PT

Ngày: 25/5/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thông.

Các Thẩm phán: Ông Lê Khắc Thịnh.

Ông Nguyễn Phú Thọ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Mơ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Minh Trí - Kiểm sát viên.

Vào ngày 25 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 74/2026/TLPT-HS ngày 26 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo Lê Văn T. Do có kháng cáo của bị cáo Lê Văn T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 70/2025/HS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Tháp.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Lê Văn T**, sinh năm 1986, tại Đồng Tháp. Thẻ CCCD: 082086012442. Địa chỉ: ấp T, xã L, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Đ và bà Lê Thị M; vợ Võ Thị N và 03 con; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo có mặt.

- Bị hại:

Công ty TNHH Một Thành Viên M1

Người đại diện theo pháp luật: Phạm Văn L

Địa chỉ: 218, ấp Đ, xã L, tỉnh Đồng Tháp

Người đại diện theo ủy quyền: Huỳnh Văn H, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố M, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Phạm Trường A, sinh năm 1997 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên M2 (gọi tắt là Công ty M2) có địa chỉ tại ấp Đ, xã L, tỉnh Đồng Tháp. Năm 2025 Công ty M2 ký hợp đồng với Ủy ban nhân dân huyện T thi công trải nhựa tuyến đường Đ. Ngày 01/7/2025, Công ty M2 có thuê bị cáo Lê Văn T thi công hạng mục phun nhựa đường.

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 02/7/2025, T cùng Nguyễn Văn X đến tuyến đường trên nấu nhựa để sáng cùng ngày công nhân đến phun nhựa. Thời điểm này, thấy số nhựa trên công ty không phân công người trông coi nên T nảy sinh ý định trộm cắp. T gọi điện thoại cho Phan Bửu C thuê xe ô tô tải để vận chuyển các thùng phi chứa nhựa đường đem đi cất giấu. Anh C yêu cầu Phạm Trường A là tài xế của anh C điều khiển xe ô tô tải biển số 63H – 029.16 đi cùng Phan Tấn B đến tuyến đường Đ đoạn thuộc ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp để gặp T chở hàng.

Thời điểm này, T nói với X, A và B là vận chuyển nhựa đường đi dặm vá, sửa chữa các tuyến đường đã thi công trước đó. Sau đó, 04 người cùng vận chuyển 11 thùng phi chứa nhựa đường và 01 thùng nhựa chứa 30 lít dầu Diesel, chưa qua sử dụng lên xe ô tô tải trên. Sau đó, T yêu cầu A điều khiển xe ô tô tải chở 11 thùng phi chứa nhựa đường và thùng nhựa chứa dầu Diesel trên từ đường Đ đến xã L. Khi đi được khoảng 01 km thì bị nhân viên của công ty M2 phát hiện trình báo Công an xã T.

- Tại bản kết luận định giá tài sản số 640/KL-HĐĐGTS ngày 29/7/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự tỉnh Đồng Tháp kết luận tổng giá trị của 11 thùng phi chứa nhựa đường và 01 thùng nhựa chứa 30 lít dầu Diesel trên là 28.036.460 đồng.

- Về trách nhiệm dân sự: Công ty M2 đã nhận lại các tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì khác.

- Vật chứng vụ án thu giữ:

+ 11 (Mười một) thùng phi kim loại chứa nhựa đường, chưa qua sử dụng.

+ 01 (Một) thùng nhựa chứa 30 lít dầu Diesel.

+ 01 (Một) xe ô tô tải biển số 63H – 029.16.

+ 01 (Một) điện thoại di động hiệu Vivo, màu đen, đã qua sử dụng. Qua điều tra xác định đây là điện thoại của bị cáo T đã dùng liên lạc với C để thuê chở các thùng phi nhựa đường.

Đối với 11 thùng phi kim loại chứa nhựa đường và 01 thùng nhựa chứa 30 lít dầu Diesel. Qua điều tra xác định đây là các tài sản hợp pháp của Công ty M2 nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho công ty.

Đối với xe ô tô tải biển số 63H – 029.16. Qua điều tra xác định, xe do anh Phạm Trường A đứng tên sở hữu. Ngày 02/7/2025, anh A hoàn toàn không biết T thuê xe của mình để thực hiện hành vi trộm cắp nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại anh A xong.

Viện kiểm sát nhân dân ra quyết định chuyển 01 điện thoại di động có đặc điểm như đã nêu trên đến Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 chờ xử lý theo quy định.

* Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 70/2025/HS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Tháp đã quyết định:

Tuyên bố: bị cáo Lê Văn T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm h, i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, buộc nộp án phí.

- Ngày 23/12/2025, bị cáo Lê Văn T kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm, với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

- Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo giữ nguyên kháng cáo, xin giảm nhẹ hình phạt tù và xin hưởng án treo.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm: Hành vi của bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Xét mức hình phạt đối với bị cáo T 09 (chín) tháng tù là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu thu thập trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, xét thấy bị cáo kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo, không ảnh hưởng đến quyền lợi của những người vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo luật định.

Các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đều đúng với quy định pháp luật, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại gì đối với các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Đơn kháng cáo của bị cáo là trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo: Xét bị cáo kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Qua thẩm tra tại phiên tòa, bị cáo T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định:

Vào khoảng 01 giờ ngày 02/7/2025, trên tuyến đường Đ đoạn thuộc ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp bị cáo Lê Văn T (công nhân làm thuê cho Công ty M2) đã có hành vi trộm cắp 11 thùng phi chứa nhựa đường và 01 thùng nhựa chứa 30 lít dầu Diesel của Công ty M2. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo đã trộm cắp có giá trị là 28.036.460 đồng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Bị cáo là người đã thành niên, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại trái pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, nên việc đưa bị cáo ra xét xử là cần thiết. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội do vậy cần phải xử lý nghiêm, áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản đã thu hồi trả cho bị hại, mẹ của bị cáo có tham gia kháng chiến cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là phù hợp.

Tòa án sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại theo điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là chưa phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó bỏ áp dụng pháp luật phần này.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

[6] Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

[7] Về hình phạt: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo T 09 tháng tù là phù hợp, đúng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có cung cấp thêm tài liệu chứng cứ và không đủ điều kiện cho bị cáo hưởng án treo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[9] Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo Lê Văn T.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Lê Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;(vụ 1)
- VKSND tỉnh Đồng Tháp; (1)
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Đồng Tháp; (1)
- Cơ quan THAHS CA tỉnh ĐT;(1)
- Cơ quan CS điều tra CA tỉnh ĐT;(1)
- TAND khu vực 3 - Đồng Tháp; (2)
- VKSND khu vực 3 - tỉnh Đồng Tháp; (1)
- THADS tỉnh Đồng Tháp; (1)
- Bị cáo;(1)
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thông